

Tiền Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2015

**BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO
TRÊN SÓNG PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH NĂM 2016**

A. GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG TRUYỀN HÌNH :

I. Mức thu phí quảng cáo trên sóng truyền hình (Thuế VAT trực tiếp)

Đvt : 1.000 đồng

Thời điểm quảng cáo	Mã giờ	Thời gian	Đơn giá quảng cáo				
			5"	10"	15"	20"	30"
1. Buổi sáng :							
Trước phim truyện	THTG1	6giờ 25 - 6giờ 30	800	1.500	2.000	3.000	4.000
Xen giữa tập phim	THTG2	6giờ 45 - 6giờ50	1.200	2.000	3.000	4.000	6.000
Sau phim truyện	THTG3	7 giờ 10 – 7 giờ 15	1.000	1.600	2.400	3.200	5.000
Trước phim truyện	THTG4	8 giờ 20 – 8 giờ 30	1.000	1.600	2.400	3.200	5.000
Giữa phim truyện	THTG5	8 giờ 50 – 9 giờ	1.400	2.200	3.200	4.200	6.200
Sau phim truyện	THTG6	9 giờ 20 – 9 giờ 30	1.500	2.400	3.400	4.400	6.400
2. Buổi trưa :							
Trước phim truyện	THTG7	11 giờ 25 - 11giờ 30	1.000	2.500	5.000	7.000	10.000
Xen giữa phim truyện và giữa hai tập phim	THTG8	11 giờ 45 -11 giờ50 12giờ10 - 12giờ 20 12 giờ 40 -12 giờ45	2.500	4.000	7.500	10.000	15.000
Sau phim truyện	THTG9	12giờ 55 -13giờ 05	1.000	2.500	5.000	7.000	10.000
3. Phim truyện 14 giờ :							
Trước phim truyện	THTG10	13 giờ 55 - 14giờ 00	800	1.500	2.000	2.500	4.000
Xen giữa phim	THTG11	14giờ 20 - 14giờ 30	1.200	2.000	3.000	4.000	6.000
Sau phim truyện	THTG12	14giờ 50- 14 giờ 55	800	1.600	2.500	3.500	5.000

4. Buổi chiều :							
Trước phim 1	THTG13	16giờ05 - 16giờ10	1.300	2.600	4.000	5.200	8.000
Giữa phim 1	THTG14	16giờ25 - 16giờ35	1.300	2.600	4.000	5.200	8.000
Sau phim 1	THTG15	16giờ55 - 17giờ00	1.500	3.000	5.000	6.200	10.000
Trước phim 2	THTG16	17giờ15 – 17giờ22	2.000	4.000	6.500	8.000	13.000
Giữa phim 2	THTG17	17giờ40- 17giờ45	3.000	5.000	7.000	9.500	13.500
Sau phim 2, trước chuyên mục	THTG18	18giờ05 - 18giờ12	3.500	5.000	7.000	10.000	14.000
5. Buổi tối :							
Trước thời sự VTV Trước phim tối 1	THTG19	18giờ52 – 19giờ00	3.500	6.000	8.000	11.000	16.000
Giữa Thời sự VTV Giữa Phim tối 1	THTG 20	19giờ20 -19giờ 25	3.500	7.000	9.500	13.500	19.000
Sau thời sự VTV Sau Phim tối 1	THTG21	19giờ43- 19giờ50	4.000	7.500	10.000	15.000	20.000
6. Phim truyện 2 và giải trí tối :							
Trước phim, Xen trong phim (cut 1)	THTG22	20giờ00 - 20 giờ 05	4.000	7.000	10.500	16.000	21.000
Giữa phim (cut 2)	THTG23	20giờ 15– 20giờ 20	4.500	9.000	12.500	18.500	25.000
Sau phim, trước chuyên mục, truyền hình thực tế	THTG24	20giờ 40– 20giờ 45	4.000	8.000	11.500	17.000	23.000
7. Phim truyện 3 và chương trình giải trí, khoa giáo :							
Trước phim 3 hoặc trước giải trí, khoa giáo	THTG25	21giờ10 - 21giờ20	3.300	6.000	8.500	11.700	15.600
Giữa phim hoặc giữa giải trí, khoa giáo	THTG26	21giờ25 - 21giờ35	3.300	6.000	8.500	11.700	15.600
Sau phim hoặc sau giải trí	THTG27	21giờ50- 22giờ00	1.300	2.600	4.000	5.200	8.000

II. Mức thu quảng cáo hình gạt trên truyền hình (panel đầy màn hình, có logo sản phẩm, có chữ) phát sóng trong hình hiệu quảng cáo (thuế VAT trực tiếp) :

Khung giờ phát sóng	Thời lượng	Đơn giá/lần
Khung giờ buổi sáng (từ 6 giờ 15 đến 9 giờ 40)	5 giây	500.000đ
Buổi trưa (từ 11 giờ 20 đến 13 giờ 20)	5 giây	600.000đ
Khung giờ xế và chiều (từ 13 giờ 55 đến 18 giờ)	5 giây	700.000đ
Khung giờ buổi tối (từ 18 giờ 50 đến 21 giờ 30)	5 giây	1.500.000đ

III. Mức thu phí key logo và key chữ (Thuế VAT trực tiếp) :

Đơn vị tính: 1.000đ

Thời điểm	Thời gian	Giá quảng cáo				
		5"	10"	15"	20"	30"
1. Key logo, chữ chân màn hình (diện tích 10% màn hình)						
Sáng, trưa, chiều	7giờ00- 18giờ10	100	300	500	800	1.000
Trong giải trí tối	19giờ00 – 22giờ00	300	600	1.000	1.500	2.000
2. Pop up:						
Sáng, trưa, chiều	7giờ00- 18giờ10	150	300	600	800	1.000
Trong giải trí tối	19giờ0 – 22giờ00	300	600	1.000	1.500	2.000

IV. Mức thu phí tự giới thiệu và thông báo (Thuế VAT trực tiếp) :

Hình thức quảng cáo	Thời điểm	Mức thu
1. Tự giới thiệu :		
Các khung giờ nằm trong phim sáng (từ 6giờ30-9giờ35)	6giờ 30 -9giờ 35	600.000đ/phút
Trước phim trưa	11giờ 25 – 11giờ 30	1.200.000đ/phút

Giữa phim và giữa 02 tập phim trưa	11giờ45 – 11giờ50 12giờ 10 - 12giờ 20 12giờ40 – 12giờ45	1.500.000đ/phút
Sau phim trưa	12 giờ55 - 13 giờ 05	1.000.000đ/phút
Trước phim chiều 1	16giờ 05 - 16 giờ 10	800.000đ/phút
Trước phim chiều 2	17giờ 15 – 17giờ 22	1.000.000đ/phút
Giữ phim chiều 2	17 giờ 40 - 17giờ45	1.000.000đ/ phút
Sau phim chiều 2, trước chuyên mục	18giờ05 -18giờ12	1.200.000đ/phút
Trước Phim tối 1 Trước thời sự VTV	18giờ52 -19giờ 00	2.500.000đ/phút
Giữa Phim tối 1	19giờ20 – 19giờ25	2.500.000đ/phút
Sau Phim tối 1 Sau thời sự VTV	19giờ43-19giờ50	3.000.000đ/phút
Trước phim tối 2	20giờ00 – 20giờ05	3.200.000đ/phút
Giữa phim tối 2	20giờ15 – 20giờ20	3.400.000đ/phút
Sau phim tối 2	20giờ40 – 20giờ45	3.400.000đ/phút
Trước phim tối 3	21giờ10 – 21giờ20	2.500.000đ/phút
2. Chương trình khoa giáo, các loại hình tư vấn khác, trò chơi truyền hình, hỗ trợ kiến thức (Áp dụng cho băng đĩa từ 02 phút trở lên) :		
Sau phim tối 1	19 giờ 43 – 19 giờ 50	1.000.000đ/ phút
Trước phim trưa Trước phim chiều	11 giờ 25 – 11 giờ 30 17 giờ 15 – 17 giờ 20	800.000đ / phút
Trước CM truyền hình Trước phim sáng Trước phim xế	18 giờ 05 - 18 giờ 12 6 giờ 25 – 6 giờ 30 13 giờ 55 – 14 giờ 00	500.000đ / phút
Ghi chú: Hợp đồng tư vấn tiêu dùng, các loại hình tư vấn khác, trò chơi truyền hình, hỗ trợ kiến thức phát thường xuyên thời gian từ 2 tháng trở lên tính theo giá thỏa thuận. Giá phát sóng Home shopping năm 2016: 200.000đ/phút (giá khoán, không còn giảm giá).		
3. Thông báo :		

Buổi sáng, trưa, chiều	5giờ 45- 17giờ 40	4.000đ/âm đọc
Trước CM TG	18giờ05 - 18giờ12	6.000đ/ âm đọc
Trước thời sự VTV Trước Phim tối 1	18giờ52 -19giờ00	7.000đ/âm đọc
Sau thời sự VTV, sau phim 1 trong giải trí (chỉ nhận mẫu thông báo ngắn, có backdrop, nội dung chọn lọc)	19giờ43- 19giờ50 Từ 20giờ00- 20giờ45	8.000đ/ âm đọc
Tin buồn, Mất giấy tờ, Cảm tạ, Tìm người thân ..., các nội dung rao vặt khác.	18 giờ 05- 19 giờ 00	- Dưới hoặc bằng 100 âm đọc : 250.000đ/lần. - Từ âm đọc thứ 101 trở đi tính thêm 3.000đ/âm đọc. - Các trường hợp trên nếu phát sóng quảng cáo vào buổi sáng, trưa, chiều sẽ được giảm giá 50%.

IV. Mức thu phí các loại hình dịch vụ truyền hình (Thuế VAT trực tiếp):

1. Làm phim truyền thống cho các cá nhân, đơn vị trong nước; thực hiện phim tự giới thiệu, phim gia công ... : 3.500.000đ/phút.

2. Quay phim tư liệu (quay thô tại Tp.Mỹ Tho) : 100.000đ/phút (nếu quay ngoài địa bàn Tp.Mỹ Tho thì phía đối tác hỗ trợ phương tiện đưa rước).

3. Thực hiện mẫu quảng cáo thời lượng 30 giây :

- Mẫu đơn giản : 30.000.000đ/mẫu.
- Mẫu kỹ xảo : 40.000.000đ/mẫu.
- Mẫu có diễn viên Tp.HCM: 80.000.000đ/mẫu.

4. Thực hiện và phát sóng tin thời sự 01 phút (đưa tin thương mại, kể cả 2 lần phát sóng theo lịch của Đài) :

- Tại Tp. Mỹ Tho : 5.500.000đ/phút/tin (do Đài thực hiện).
- Ở các huyện thuộc Tiền Giang : 6.500.000đ/phút/tin (do Đài thực hiện).
- Có băng hoàn chỉnh từ 1 phút trở lại không phải do đài thực hiện nếu đăng ký phát trong chương trình thời sự hoặc trong các khung giờ cao điểm khác, mức thu 3.000.000đ/phút/tin.

5. Cho thuê xe truyền hình trực tiếp và tổ chức truyền hình trực tiếp:

a. Cho thuê xe truyền hình thu các chương trình, không trực tiếp chương trình trên sóng Đài tỉnh (cả ngày) :

- Trong tỉnh : 25.000.000đ/cuộc.
- Các tỉnh giáp ranh Tiền Giang : 30.000.000đ/cuộc.

- Tại Tp.HCM và các tỉnh xa (phạm vi từ Đồng Nai trở vào) : 35.000.000đ/cuộc.

b. Tổ chức truyền hình trực tiếp các chương trình trên Đài (không quá 02 giờ) bao gồm cả êkip thực hiện:

- Trong tỉnh : 45.000.000đ.

- Các tỉnh giáp ranh Tiền Giang : 60.000.000đ.

- Tại Tp.HCM và các tỉnh xa (phạm vi từ Đồng Nai trở vào) : 70.000.000 đ.

*Trường hợp trực tiếp tổ chức vào ban ngày thì giá do Ban Giám đốc quyết định cho trường hợp cụ thể.

c. Tiếp sóng truyền hình trực tiếp :

- Ban ngày : 25.000.000đ (2 giờ).

- Buổi tối : 45.000.000đ (2 giờ).

*** Ghi chú :**

- Nếu thời lượng vượt hơn thời lượng nêu trên, cứ 15 phút thu thêm 10% theo giá qui định.

- Trường hợp thời lượng ngắn hơn thì tùy thực tế mà Giám đốc Đài quyết định giá trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng.

- Các trường hợp đặc biệt khác không nằm trong khung giá nêu trên sẽ do Hội đồng thẩm định giá và duyệt các chương trình giải trí Đài quyết định.

- Đối với hợp đồng dài hạn, ký thực hiện nhiều chương trình, thì giá thực hiện sẽ do hội đồng quyết.

V. Mức thu phí in sang các chương trình (Thuế VAT trực tiếp) :

1. Đối với các chương trình do Đài tỉnh sản xuất in sang ra đĩa CD, DVD, xuất file : mức thu 50.000đ/đĩa.

2. Đối với chương trình do khách hàng đem đến để in sang ra đĩa CD, DVD : mức thu 60.000đ/đĩa.

VI. Giá phát sóng thực phẩm chức năng: tính theo giá khoán và có bảng giá riêng cho từng thể loại và khung giờ.

B. GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG PHÁT THANH :

1. Thực hiện và phát sóng tin thương mại trên sóng Phát thanh (bao gồm 2 lần phát sóng: sáng và tối): 2.000.000đ/phút/2 lần phát.

2. Thực hiện mẫu tự giới thiệu phát thanh: 1.000.000đ/phút

3. Giá dịch vụ làm mẫu băng quảng cáo trên sóng phát thanh :

Làm mẫu băng cho chương trình quảng cáo phát thanh : 8.000.000 đ/phút (các mẫu quảng cáo băng hình thức đối thoại từ 03 người trở lên được tính theo giá này).

4. Giá quảng cáo trên sóng phát thanh FM tần số 96,2Mhz (Thuế VAT trực tiếp):

STT	Nội dung	Vị trí quảng cáo	Đơn giá
1	Nhắn tin, rao vặt (thời lượng 01 phút)	Sáng – Trưa – Chiều	150.000đ/lần
2	Thông báo (thời lượng 01 phút)	Sáng - Trưa – Chiều	400.000đ/lần
3	Quảng cáo băng đĩa có sẵn (thời lượng 01 phút)	Buổi sáng Buổi trưa Buổi chiều, tối	450.000đ/lần 600.000đ/lần 650.000đ/lần
4	Tự giới thiệu (từ 02 phút trở lên băng có sẵn)	Buổi sáng Buổi trưa Buổi chiều, tối	400.000đ/phút 400.000đ/phút 600.000đ/phút

C. QUY ĐỊNH VỀ GIẢM GIÁ:

1. Quy định về tỷ lệ giảm giá các hợp đồng quảng cáo:

- Mức giảm giá cụ thể được tính trên giá trị hợp đồng thực tế.
- Đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trực tiếp ký hợp đồng tài trợ chương trình thì không áp dụng tỷ lệ giảm giá này mà được tính giá thỏa thuận trên tinh thần lấy thu bù chi và có tích lũy theo Văn bản: 1133/UBND-TM ngày 07/03/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Tùy theo doanh thu mà được Đài xem xét có chính sách giảm giá ưu đãi theo quy định hiện hành.

- Mức giảm giá quảng cáo, dịch vụ cụ thể được tính cho khách hàng theo doanh thu dưới đây:

STT	Doanh thu quảng cáo thực tế	Tỷ lệ giảm (%)
1	Trên 5.000.000 - 10.000.000đ	10
2	Trên 10.000.000 - 50.000.000đ	15
3	Trên 50.000.000 - 500.000.000đ	20
4	Trên 500.000.000 - 1.000.000.000đ	25
5	Trên 1.000.000.000 - < 3.000.000.000đ	30
6	Từ 3.000.000.000đ trở lên	35

* **Lưu ý:** Doanh thu từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ chỉ áp dụng giảm giá cho các hợp đồng phát sóng thông báo, không áp dụng cho thể loại quảng cáo.

2. Chính sách khen thưởng:

Để khuyến khích khách hàng chạy quảng cáo đạt doanh số cao ở mức từ 3.000.000.000đ trở lên, Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang sẽ xem xét đề ra mức thưởng cho khách hàng, tùy thuộc vào doanh số cuối năm mà các công ty đạt được.

3. Quy định tỷ lệ hoa hồng quảng cáo:

- Doanh thu quảng cáo từ 05 triệu đến dưới 10 triệu: 4%.
- Doanh thu quảng cáo từ 10 triệu đến dưới 100 triệu: 5%
- Doanh thu quảng cáo từ 100 triệu đến dưới 300 triệu: 6%
- Doanh thu quảng cáo từ 300 triệu trở lên: 7%

*** Một số quy định khác :**

- Tỷ lệ hoa hồng quảng cáo được nhận trên giá trị hợp đồng sau khi trừ thuế VAT.

- Các hợp đồng quảng cáo nếu nhận hoa hồng thì không giảm giá và ngược lại.

- Việc chi hoa hồng quảng cáo chỉ được nhận khi các cá nhân, đơn vị đã thanh toán 100% giá trị hợp đồng.

GIÁM ĐỐC

(Đã Ký)

Nguyễn Đức Đảm